

Bản án số: **25/2020/DS-ST**
Ngày 02 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 34/2020/TLST-DS, ngày 09/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-DS, ngày 14/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn S; địa chỉ: ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Huệ M, địa chỉ: ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Vào ngày 26/7/2015 âm lịch, ông có cho ông Nguyễn Huệ M vay số tiền 19.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 8%/tháng nhưng trong biên nhận để cho mượn. Từ ngày vay cho đến nay ông M không trả vốn, lãi. Lãi tạm tính từ ngày 08/9/2015 đến ngày 08/3/2020 là 54 tháng x 1,65%/tháng x 19.000.000đ = 16.929.000 đồng.

Vào ngày 15/10/2017 âm lịch, ông Nguyễn Thanh Q có nhờ ông S đem Giấy chứng nhận QSD đất thế chấp cho người khác để vay số tiền 150.000.000 đồng, do ông Q không có khả năng trả nên ông M đứng ra bảo lãnh số nợ trên cho ông Q, nhưng sau đó không ai trả nợ nên khi ông S khởi kiện thì ông M thương lượng sẽ trả vốn gốc cho ông trước và đã thực hiện xong, còn tiền lãi thì ông M đồng ý với mức lãi suất 1,65%/tháng, thành tiền là 21.410.000 đồng, nhưng ông M xin bớt một phần

tiền lãi, được ông S đồng ý và chỉ yêu cầu ông M trả 10.000.000 đồng tiền lãi trong thời hạn 01 tháng, ông M có làm biên nhận nhưng cho đến nay chưa trả.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Huệ M trả số tiền vay vốn gốc là 19.000.000 đồng, tiền lãi là 16.929.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản nợ mà ông nhận bảo lãnh cho ông Q, tổng cộng 45.929.000 đồng; nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông S đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ khởi kiện đối với ông M, không yêu cầu đối với người có liên quan là ông Nguyễn Thanh Q, đồng thời rút lại một phần tiền lãi về thời gian từ 54 tháng xuống còn 20 tháng bằng số tiền 6.270.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện còn lại của ông S đòi ông M phải trả là 35.270.000 đồng (19.000.000 đồng + 6.270.000 đồng + 10.000.000 đồng).

Bị đơn Nguyễn Huệ M trình bày:

Ông M thừa nhận trước đây có vay của ông S số tiền 19.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 8%/tháng; sau khi vay ông có đóng lãi hàng tháng được một thời gian thì ngưng đóng và đến nay cũng chưa trả vốn gốc cho ông S. Ông M không nhớ rõ là đã đóng lãi được bao nhiêu, cũng không xác định chính xác là còn nợ bao nhiêu tiền lãi nhưng ông cho biết chỉ chừng khoảng 20 tháng chứ không phải 54 tháng như ông S khởi kiện. Đối với việc bảo lãnh khoản nợ 10.000.000 đồng cho người em ruột tên Nguyễn Thanh Q để trả cho ông S thì ông M thừa nhận là có và đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này.

Như vậy ông M thừa nhận còn nợ ông S 19.000.000 đồng tiền vay vốn gốc cùng với tiền lãi 20 tháng, và khoản tiền bảo lãnh cho Q 10.000.000 đồng. Ông M cho biết hiện nay hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên chưa có điều kiện trả cho ông S được; ngoài ra ông M yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị xác định ông Nguyễn Thanh Q không còn liên quan đến vụ án này.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 35.270.000 đồng; áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Đối với ông Nguyễn Thanh Q trước đây được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì ông Q có liên quan đến khoản nợ mà bị đơn nhận bảo lãnh trả cho nguyên đơn, nay bị đơn đã thừa nhận đồng ý trả thay và có đề nghị xác định ông Q không còn liên quan đến vụ án, đồng thời nguyên đơn cũng đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung này, nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách đương sự trong vụ án không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đơn khởi kiện ban đầu, ông S đòi bị đơn là ông M trả 03 khoản nợ gồm nợ vay vốn gốc 19.000.000 đồng, lãi 54 tháng với mức lãi suất 1,65%/tháng bằng số tiền 16.929.000 đồng và khoản tiền bảo

lãnh nợ cho người khác 10.000.000 đồng; nhưng sau đó, ông S đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là giảm một phần tiền lãi; xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn đề ngày 13/5/2020 của ông S đã được xác nhận tại phiên tòa là do ông hoàn toàn tự nguyện, không có sự đe dọa hoặc ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại là việc nguyên đơn (ông S) đòi bị đơn (ông M) trả 03 khoản tiền tổng cộng là 35.270.000 đồng, đã được bị đơn (ông M) thừa nhận còn nợ tương ứng với số tiền này, nhưng vụ việc không tiến hành hòa giải được do ông M đề nghị không tiến hành hòa giải. Xét thấy sự thừa nhận của ông M còn nợ ông S số tiền vay vốn gốc 19.000.000 đồng, lãi 20 tháng và khoản tiền bảo lãnh 10.000.000 đồng, là phù hợp và đáp ứng đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; việc tính lãi với mức lãi suất 1,65%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu là không trái với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280; 357; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc giảm bớt thời gian yêu cầu trả lãi từ 54 tháng xuống còn 20 tháng và không yêu cầu đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh Q.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn; buộc ông Nguyễn Huệ M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S tiền vay vốn gốc là 19.000.000 đồng, tiền lãi là 6.270.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản nợ mà ông M nhận bảo lãnh cho người khác; tổng cộng là 35.270.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Huệ M phải chịu 1.763.500 đồng (*Một triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

- Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 1.148.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00027XX ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu